TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/KDTM-ST
Ngày 16/5/2023
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Lệ Dung

2. Ông Nguyễn Đình Thức

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương sơ thẩm thụ lý số 46/2022/TLST-KDTM ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2023/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 297/2023/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần H
Trụ sở: Tầng 11 Tòa N, 180-192 NC, Phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L – Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200124891 do Phòng Đăng kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư Tp. Hà Nội cấp (đăng ký lần đầu ngày 01/7/2005)
Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Tấn T, sinh năm 1986; Ông Trần Trọng T, sinh năm 1991
Giấy ủy quyền số 4356/2021/UQ-TGĐ ngày 28/6/2021
Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại XNK may mặc T
Trụ sở: 30-32 T, phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị L – Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0306524145 do Phòng Đăng kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp (đăng ký lần đầu ngày 02/01/2009)

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần H do ông Trần Trọng T và ông Huỳnh Tấn T là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần H – chi nhánh Cộng Hòa (sau đây viết tắt là ngân hàng) và Công ty TNHH Thương mại XNK may mặc T (sau đây viết tắt là công ty T) có ký Hợp đồng tín dụng số 085/20211/TDTM/MSB-CH ngày 29/4/2011 (sau đây gọi tắt là hợp đồng ngày 29/4/2011) nội dung ngân hàng cấp hạn mức tín dụng số tiền 20.000.000.000 *(Hai mươi tỷ)* đồng cho công ty T; thời hạn cấp tín dụng là theo từng giấy nhận nợ (tối đa 04 tháng), thời hạn duy trì hạn mức là đến hết ngày 25/4/2012; Lãi suất: chi tiết theo Giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn trả nợ theo từng Giấy nhận nợ, phương thức trả nợ là trả gốc, lãi hàng tháng theo Giấy nhận nợ; mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động.

Để bảo đảm khoản vay, bà Trương Thị T đã bảo lãnh cho công ty T bằng việc ký thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2906/2011/BĐ ký ngày 29/06/2011 giữa ngân hàng với công ty T được phòng Công chứng số 4, Tp. Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 29/06/2011, số công chứng 027133, quyển số 06 đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 81 (BĐĐC), diện tích 155,94m^2, thời hạn sử dụng: lâu dài; địa chỉ thửa đất tại 180/32 LTT, phường X, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số hồ sơ gốc 1144/2009/UB.GCN do UBND quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/03/2009 cho bà Trương Thị T.

Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T số tiền 5.760.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 02 ngày 30/06/2011. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã nhiều lần làm việc tạo điều kiện nhưng Công ty T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký. Do công ty T không trả được nợ, chủ tài sản thế chấp có đề nghị ngân hàng cho tự xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T. Ngày 25/5/2017, được sự đồng ý của ngân hàng, bên thế chấp là bà Trương Thị T đã nộp số tiền 5.760.000.000 đồng để thanh toán số nợ gốc khoản vay của Công ty T tại ngân hàng và giải chấp tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 180/32 LTT, phường X, quận Tân Phú, Tp.HCM. Số nợ lãi còn lại Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng.

Như vậy bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh và đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền gốc là 5.760.000.000 đồng nên giữa bà T và ngân hàng không còn phát sinh quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp nêu trên. Do đó, ngân hàng chỉ yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền lãi nêu

trên tạm tính đến ngày 16/5/2023 là 12.446.040.000 đồng *(Mười hai tỷ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng)*, trong đó: Nợ lãi: 8.454.400.000 đồng; Lãi quá hạn: 3.991.640.000 đồng (được tính đến ngày 25/5/2017 là ngày bà Trương Thị T đã nộp số tiền 5.760.000.000 đồng), Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty T (đại diện theo pháp luật bà Trương Thị L) vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần H do ông Trần Trọng T và ông Huỳnh Tấn T là người đại diện hợp pháp có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn công ty T, đại diện theo pháp luật bà Trương Thị L vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án quá hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với công ty T; do đó, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0306524145 (đăng ký lần đầu ngày 02/01/2009) và Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp ngày 11/5/2023 của Phòng Đăng kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh thể hiện Công ty T có trụ sở tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 đây là vụ án kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại biên bản bàn giao tài sản ngày 25/5/2017 giữa ngân hàng và bà Trương Thị T thể hiện bà T đã chủ động nộp tiền cho ngân hàng đối với khoản nợ gốc của công ty T số tiền 5.670.000.000 *(Năm tỷ sáu trăm bảy mươi triệu)* đồng. Như vậy bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh nên giữa bà T và ngân hàng không còn phát sinh quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2906/2011/BĐ ngày 29/6/2011. Nay ngân hàng chỉ yêu cầu công ty T có trách nhiệm thanh toán nợ lãi là 12.609.520.000 *(Mười hai tỷ sáu trăm lẻ chín triệu năm trăm hai mươi ngàn)* đồng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết đưa bà Trương Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn công ty T, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án nhưng vẫn vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai; Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Công ty T có ký hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 *(Hai mươi tỷ)* đồng, ngân hàng đã giải ngân cho công ty T số tiền 5.670.000.000 *(Năm tỷ sáu trăm bảy mươi triệu)* đồng theo hợp đồng tín dụng số 085/2011/TDHM/MSB-CH ngày 29/4/2011 và khế ước nhận nợ số 02 ngày 30/6/2011, mục đích sử dụng của từng lần cấp tín dụng do ngân hàng và công ty T thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, được quy định cụ thể trong từng lần cấp tín dụng cụ thể, thời hạn vay 04 tháng (30/6/2011 đến 30/10/2011), lãi suất vay: 22%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngân hàng đã phối hợp với bà Trương Thị T, đồng ý cho bà T nộp số tiền 5.670.000.000 đồng để thanh toán hết số nợ gốc của khoản vay công ty T và giải chấp tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 180/32 LTT, phường X, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh. Như vậy bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh cho công ty T nên giữa bà T và ngân hàng không còn phát sinh quyền, nghĩa vụ theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2906/2011/BĐ ký ngày 29/06/2011. Do đó, ngân hàng chỉ yêu cầu bị đơn là công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền lãi được tính đến ngày 16/5/2023 là 12.609.520.000 đồng *(Mười hai tỷ sáu trăm lẻ chín triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng)*, trong đó: Nợ lãi trong hạn: 447.520.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 12.162.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Các bên đã thoả thuận và ghi nhận tại Điều 3, Điều 7 và điểm c khoản 4 Điều 12 của Hợp đồng tín dụng, việc thoả thuận về lãi suất của các bên phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội

đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; và điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước thì yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

[4.2] Về thời hạn thanh toán:

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4.3] Về tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản nợ vay:

Như nhận định tại mục [4.1], bà T đã nhận lại tài sản thế chấp đảm bảo theo biên bản bàn giao ngày 25/5/2017 và nguyên đơn ngân hàng không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đảm bảo nên giữa bà T và ngân hàng không phát sinh quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2906/2011/BĐ ngày 29/6/2011.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn công ty T, người đại diện theo pháp luật bà Trương Thị L vắng mặt không có lý do cũng như không đưa ra bất kỳ một phản hồi hoặc chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, công ty T phải chịu hậu quả pháp lý đối với việc vắng mặt của mình theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn một lần số tiền lãi tính từ ngày 30/6/2011 đến ngày 24/5/2017 tổng cộng 12.609.520.000 *(Mười hai tỷ sáu trăm lẻ chín triệu năm trăm hai mươi ngàn)* đồng, trong đó: nợ lãi trong hạn: 447.520.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 12.162.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân quận Tân Phú đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 điều 30; Điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Khoản 4 điều 91; Khoản 1 điều 207; Khoản 2 điều 208; khoản 3 điều 210; Điểm b khoản 2 điều 227; Khoản 3 điều 228; Điều 271; Khoản 1 điều 273 và Khoản 1 điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 327; Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần H:

1.1. Buộc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất T thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H số tiền nợ lãi tính từ ngày 30/6/2011 đến ngày 24/5/2017 tổng cộng là 12.609.520.000 *(Mười hai tỷ sáu trăm lẻ chín triệu năm trăm hai mươi ngàn)* đồng, trong đó: nợ lãi trong hạn: 447.520.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 12.162.000.000 đồng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại:

2.1. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất T phải chịu số tiền 120.609.520 *(Một trăm hai mươi triệu sáu trăm lẻ chín ngàn năm trăm hai mươi)* đồng.

2.2. Hoàn lại số tiền 60.223.020 *(Sáu mươi triệu hai trăm hai mươi ba ngàn không trăm hai mươi)* đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0035575 ngày 17/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ngân hàng Thương mại Cổ phần H, Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hòa